TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 24/2018/DS-ST
Ngày 22/6/2018
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hiệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Văn Thuận

2. Ông Phạm Xuân Trường

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Mai Thảo Chi - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa: Ông Cao Quốc Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2018, tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 24/2018/TLST- DS, ngày 17/01/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2018/QĐXXST-DS ngày 21/5/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1976 (tên thường gọi là H). Địa chỉ: Số 175, đường số 3, tổ 9, thôn B, xã H, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- *Bị đơn:* Bà Bùi Thị Minh A, sinh năm 1987. Nơi đăng ký thường trú: Thôn B, xã H, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Chổ ở hiện nay: Thôn 5, xã Đức Tín, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trần Quốc D, sinh năm 1976 (chồng bà M). Địa chỉ: Số 175, đường số 3, tổ 9, thôn B, xã H, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của ông D: Bà Nguyễn Thị M (vợ ông D) theo giấy ủy quyền được Văn phòng Công chứng K công chứng tại số 1699.2018, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 06/6/2018.

2. Ông Nguyễn Thanh C, sinh năm 1976 (chồng bà A). Nơi đăng ký thường trú: Thôn B, xã H, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Chổ ở hiện nay: Thôn 5, xã T, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt bà M. Những người còn lại vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/01/2018, các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày: Vợ chồng bà và vợ chồng bà A là chổ quen biết hàng xóm láng giềng. Trong năm 2017, vợ chồng bà cho vợ chồng bà A vay tiền nhiều lần dưới hình thức trả góp nhưng không viết giấy tờ gì, chỉ thỏa thuận bằng miệng. Khi đến hạn trả thì hai bên ngồi lại thanh lý theo thỏa thuận. Vào ngày 02/10/2017, sau khi kết sổ nợ thì vợ chồng bà A còn nợ số tiền 99.000.000 đồng nên bà M yêu cầu vợ chồng bà A viết giấy mượn tiền để làm bằng chứng với thỏa thuận vợ chồng bà A có nghĩa vụ trả số nợ trên trong thời hạn 100 ngày kể từ ngày 02/10/2017. Tuy nhiên đến nay, vợ chồng bà A chỉ trả được 29.000.000 đồng. Nay bà khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà A phải trả cho vợ chồng bà số tiền gốc còn nợ lại là 70.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 13/01/2018, cho đến ngày xét xử với mức lãi suất theo quy định của pháp luật.

Sau khi thụ lý vụ án, TAND huyện Đức Linh đã thông báo thụ lý vụ án và thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn bà Bùi Thị Minh A và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh C không có ý kiến gì và đều vắng mặt không có lý do. Do đó, TAND huyện Đức Linh không thể tiến hành lấy lời khai và hòa giải được theo quy định.

Tại các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ông Trần Quốc D thống nhất theo lời khai và yêu cầu khởi kiện của vợ ông là bà Nguyễn Thị M. Ngày 06/6/2018, ông D đã ủy quyền cho bà M tham gia tố tụng tại Tòa án theo Giấy ủy quyền được Văn phòng Công chứng K công chứng ngày 06/6/2018.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh phát biểu quan điểm như sau: Về thủ tục tố tụng Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản là đúng pháp luật. Về nội dung: Căn cứ vào giấy mượn tiền do bà Bùi Thị Minh A và ông Nguyễn Thanh C xác lập ngày 02/10/2017 và lời khai của bà M thì thấy rằng: Do vợ chồng bà A vi phạm hợp đồng, tức không thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay theo thỏa thuận nên bà M khởi kiện là có căn cứ. Căn cứ Điều 466 Bộ luật dân sự thì cần buộc vợ chồng bà A trả nợ gốc và nợ lãi theo quy định của pháp luật cho vợ chồng bà M là có căn cứ và đúng pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự. Tòa án nhân dân huyện Đức Linh xác định quan hệ "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Đức Linh thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy bị đơn bà Bùi Thị Minh A và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh C khi xác lập giao dịch vay tiền ngày 02/10/2017 với bên cho vay là Nguyễn Thị M đã ghi rõ địa chỉ cư trú tại thôn 5 xã Đức Tín, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Nay qua kết quả xác minh tại địa phương xã Đức Tín thì vợ chồng bà A, ông C đã bán nhà cho người khác, không còn cư trú theo địa chỉ trên và không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú mới nên không thể tống đạt văn bản tố tụng cho đương sự theo quy định. Trường hợp này được xem như đương sự đã cố tình giấu địa chỉ nên Tòa án thụ lý giải quyết theo thủ tục chung là đúng pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, vắng mặt bà A, ông C nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai. Do đó, căn cứ Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ là đúng pháp luật.

[4] Về áp dụng án lệ: Sau khi rà soát các án lệ đã được Chánh án TANDTC công bố thì thấy rằng: nội dung tranh chấp của vụ án này không có những tình tiết, sự kiện tương tự đã được nêu trong các án lệ nên Hội đồng xét xử không áp dụng án lệ mà căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết.

[5] Về nội dung: Xét thấy chứng cứ duy nhất do nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là "Giấy mượn tiền lập ngày 02/10/2017". Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn khẳng định và cam kết chữ viết tay trong giấy mượn tiền lập ngày 02/10/2017 là do bà Bùi Thị Minh A viết, ký tên, có cả chồng bà A là ông Nguyễn Thanh C chứng kiến và ký tên xác nhận. Do đó, Hội đồng xét xử xác định "Giấy mượn tiền lập ngày 02/10/2017" là chứng cứ để xem xét giải quyết vụ án.

Xét thấy nội dung "Giấy mượn tiền ngày 02/10/2017" thể hiện: Bà A và ông C có mượn của bà Nguyễn Thị M 99.000.000 đồng và cam kết trả nợ trong thời hạn 100 ngày. Tức là hai bên đã thỏa thuận thời hạn trả nợ. Theo lời khai của bà M thì tính đến nay, vợ chồng bà A chỉ trả được 29.000.000 đồng, tức vợ chồng bà A đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận. Do đó, bà M khởi kiện để đòi lại số tiền nợ gốc và nợ lãi phát sinh là có căn cứ và đúng pháp luật. Do thỏa thuận thời hạn trả nợ là 100 ngày kể từ ngày 02/10/2017 nên thời gian tính lãi đối với tiền gốc 70.000.000 đồng sẽ được tính từ ngày 13/01/2018 cho đến ngày xét xử là đúng pháp luật.

Từ phân tích trên, căn cứ vào Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc bà A và ông C phải liên đới trả cho vợ chồng bà M số tiền 73.091.000 đồng là có căn cứ và đúng pháp luật. Trong đó, nợ gốc 70.000.000 đồng và nợ lãi 3.091.000 đồng. (Lãi tính từ ngày 13/01/2018 đến ngày 22/6/2018 là 05 tháng 09 ngày với mức lãi suất 10%/năm). Nếu vợ chồng bà A chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền khi bản án có hiệu lực pháp luật và khi vợ chồng bà M có đơn yêu cầu thi hành án thì vợ chồng bà A còn phải chịu tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền trên số nợ gốc theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên buộc vợ chồng bà A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn là đúng pháp luật.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Luật Thi hành án dân sự năm 2008, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M.

1. Buộc bà Bùi Thị Minh A và ông Nguyễn Thanh C phải liên đới trả cho bà Nguyễn Thị M và ông Trần Quốc D số tiền 73.091.000 đồng. Trong đó, nợ gốc 70.000.000 đồng và nợ lãi 3.091.000 đồng. Nếu vợ chồng bà A chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền khi bản án có hiệu lực pháp luật và khi vợ chồng bà M có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng vợ chồng bà A còn phải chịu tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền gốc còn phải thi hành án.

2. Về án phí: Bà Bùi Thị Minh A và ông Nguyễn Thanh C phải chịu 3.654.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Nguyễn Thị M 1.776.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018171 ngày 17/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án là ngày 22/6/2018; bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thanh C có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./-

<u>Nơi nhận</u>:
- TAND Tỉnh;
- VKSND H.Đức Linh;
- Chi cục THA H.Đức Linh;
- Các đương sự;
- Lưu./

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà
(Đã Ký)

Trần Phước Hiệu